

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-5-2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung,
tranh chấp chia tài sản chung, nợ chung;
Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU – TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình

Ông Nguyễn Ngọc Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Cao Kỳ Dương – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung; Tranh chấp chia tài sản chung, nợ chung; Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1978 (có mặt)

Bị đơn: Ông Đoàn Văn C, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Cùng trú tại: tổ I, ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng thương mại cổ phần Á

Địa chỉ trụ sở: số D đường N, phường E, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh C1 (có mặt)

Địa chỉ: số B đường H, khu phố A, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày:

Bà Bùi Thị H và Đoàn Văn C tự nguyện yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện V cấp giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 08/6/2018. Trong quá trình chung sống thì giữa bà H và ông C phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau và mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà H và ông C có 01 con chung là cháu Đoàn Ngọc Thanh N, sinh ngày 01/12/2018. Ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà H và ông C có tạo lập được khối tài sản chung là 10 phòng trọ và 02 ki ốt được xây dựng trên hai thửa đất số 819, 820 tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Quyền sử dụng hai thửa đất này bà H nhận chuyển nhượng vào năm 2016 trước thời điểm kết hôn với ông C. Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho bà H được quyền quản lý, sử dụng 10 phòng trọ và 02 ki ốt gắn liền với hai thửa đất trên. Bà H và ông C thống nhất thỏa thuận trị giá của 10 phòng trọ và 02 ki ốt là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân do cần tiền làm ăn nên bà H và ông C có ký kết thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số DNA.CN.3828.210122 ngày 27/01/2022 với Ngân hàng TMCP Á quy định hạn mức cấp tín dụng là 1.100.000.000 đồng, mục đích cho vay là bổ sung vốn kinh doanh, phương thức giải ngân quy định trong từng khế ước nhận nợ và lãi suất. Căn cứ vào thỏa thuận tín dụng trên thì Ngân hàng TMCP Á đã giải ngân tổng cộng số tiền 800.000.000 đồng và cấp hai thẻ tín dụng với hạn mức lần lượt là 20.000.000 đồng và 50.000.000 đồng cho bà H và ông C. Để đảm bảo cho toàn bộ khoản nợ tín dụng trên thì bà Bùi Thị H đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DNA.BĐCN.571.210122 ngày 24/01/2022 để thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 819, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C2). Do làm ăn khó khăn nên bà H và ông C đã chậm thanh toán. Vì vậy tất cả khoản nợ trên đã chuyển sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng TMCP Á có yêu cầu độc lập, yêu cầu bà H và ông C thanh toán toàn bộ số dư nợ gốc và nợ lãi (gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn), đồng thời bà H và ông C phải chịu tiền lãi phát sinh theo các thỏa thuận tín dụng đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết số dư nợ gốc và xác định tài sản đảm bảo cho toàn bộ khoản nợ trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 819, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai thì bà H đồng ý với toàn bộ yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Á.

Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Đoàn Văn C trình bày:

Ông Đoàn Văn C thống nhất với trình bày của bà Bùi Thị H về việc kết hôn và thừa nhận giữa ông C và bà H có phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Nay bà H khởi kiện yêu cầu được ly hôn thì ông C đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông C và bà H có 01 con chung là cháu Đoàn Ngọc Thanh N, sinh ngày 01/12/2018. Nếu ly hôn thì ông C đồng ý giao cháu N cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu nên tạm thời ông C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông C xác định quyền sử dụng hai thửa đất số 819, 820 tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại xã T, huyện V là tài sản riêng của bà H do hình thành trước khi ông C và bà H kết hôn. Đối với 10 phòng trọ và 02 ki ốt gắn liền với hai thửa đất trên được xây dựng sau khi ông C và bà H kết hôn. Nay ông C và bà H ly hôn thì ông C đồng ý giao cho bà H quản lý, sử dụng 10 phòng trọ và 02 ki ốt. Bà H và ông C thống nhất thỏa thuận trị giá của 10 phòng trọ và 02 ki ốt là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

Về nợ chung: Ông C xác định ông C và bà H có ký kết thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số DNA.CN.3828.210122 ngày 27/01/2022 với Ngân hàng TMCP Á, hạn mức cấp tín dụng là 1.100.000.000 đồng, đã được giải ngân số tiền 800.000.000 đồng và cấp 02 thẻ tín dụng hạn mức 50.000.000 đồng và 20.000.000 đồng. Số tiền nợ gốc và nợ lãi của Ngân hàng thương mại cổ phần Á trình bày là đúng, ông C không có ý kiến gì. Việc nợ chung của ông C với bà H với Ngân hàng ông C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Á trình bày:

Bà Bùi Thị H và ông Đoàn Văn C có ký kết thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số DNA.CN.3828.210122 ngày 27/01/2022 với Ngân hàng TMCP Á quy định hạn mức cấp tín dụng là 1.100.000.000 đồng, mục đích cho vay là bổ sung vốn kinh doanh, phương thức giải ngân quy định trong từng khế ước nhận nợ và lãi suất. Căn cứ thỏa thuận trên thì Ngân hàng đã giải ngân 03 lần, cụ thể: Ngày 09/11/2022 giải ngân số tiền 300.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 378005499; ngày 18/11/2022 giải ngân số tiền 300.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 378991549; ngày 16/01/2023 giải ngân số tiền 200.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 385357509. Toàn bộ số tiền được giải ngân vào tài khoản mang tên Đoàn Văn C mở tại Ngân hàng TMCP Á. Ngoài ra bà H và ông C còn ký kết với Ngân hàng giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 27/01/2022 để mở 02 thẻ tín dụng, loại thẻ Visa Gold, với hạn mức 50.000.000 đồng và 20.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho toàn bộ khoản nợ tín dụng trên thì bà Bùi Thị H đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DNA.BĐCN.571.210122 ngày 24/01/2022 để thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 819, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Trong quá trình thực hiện các thỏa thuận tín dụng đã ký kết, bà H và ông C đã vi phạm việc trả nợ, dẫn đến khoản nợ chuyển sang nợ quá hạn. Nay phía Ngân hàng TMCP Á có yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị H và ông Đoàn Văn C có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số dư nợ gốc 875.462.242 đồng, nợ lãi trong hạn 10.068.493 đồng, lãi quá hạn (tính đến ngày 22/5/2024) là 177.926.326 đồng, phạt chậm trả lãi 978.430 đồng. Tổng cộng là 1.064.438.491 đồng. Ngoài ra bà Bùi Thị H và ông Đoàn Văn C phải chịu tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc từ ngày 23/5/2024 theo các hợp đồng tín dụng, thỏa thuận tín dụng đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết số dư nợ gốc.

Đồng thời Ngân hàng đề nghị Tòa án xác định quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 819, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai là tài sản đảm bảo cho toàn bộ khoản nợ tín dụng trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Về các nội dung tranh chấp trong vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông C tự nguyện yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay bà H xác định cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nên yêu cầu được ly hôn với ông C. Ông C cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn và đồng ý ly hôn với bà H. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà H, bà H được ly hôn với ông C.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà H và ông C có 01 con chung là cháu Đoàn Ngọc Thanh N, sinh ngày 01/12/2018. Ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và ông C đồng ý nên giao cháu N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu nên ông C tạm thời không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản:

Bà H xác định quyền sử dụng hai thửa đất số 819, 820 tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại xã T, huyện V là tài sản riêng của bà H do bà H nhận chuyển nhượng trước khi ông C và bà H kết hôn. Việc này ông C cũng thừa nhận và không có ý kiến gì. Trong thời kỳ hôn nhân bà H và ông C có tạo lập tài sản chung là 10 phòng trọ và 2 ki ốt gắn liền với hai thửa đất trên. Bà H yêu cầu được quản lý, sử dụng 10 phòng trọ và 2 ki ốt gắn liền với hai thửa đất trên thì ông C đồng ý. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà H được quản lý, sử dụng 10 phòng trọ và 2 ki ốt này.

Về nợ chung:

Yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Á là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà Bùi Thị H và ông Đoàn Văn C thanh toán số

toàn bộ số dư nợ gốc 875.462.242 đồng, nợ lãi trong hạn 10.068.493 đồng, lãi quá hạn (tính đến ngày 22/5/2024) là 177.926.326 đồng, phạt chậm trả lãi 978.430 đồng. Tổng cộng là 1.064.438.491 đồng. Bà H và ông C còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc từ ngày 23/5/2024 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ gốc.

Tài sản đảm bảo cho khoản nợ trên là quyền sử dụng đối với thửa đất số 819, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DNA.BĐCN.571.210122 ngày 24/01/2022.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Đoàn Văn C hiện đang cư trú tại ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn ông Đoàn Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[1.3] Về quan hệ pháp luật trong vụ án: Bà Bùi Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Đoàn Văn C, yêu cầu giải quyết về con chung, về tài sản chung và nợ chung. Ngân hàng thương mại cổ phần Á có yêu cầu độc lập yêu cầu bà H và ông C thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi theo các thỏa thuận tín dụng đã ký kết và xác định tài sản thế chấp là tài sản đảm bảo cho khoản nợ. Vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung; tranh chấp chia tài sản chung, nợ chung; Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung và tài sản chung Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị H và ông Đoàn Văn C tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Bà H trình bày cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông C có phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông C. Ông C cũng xác định cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nên đồng ý ly hôn với bà H. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà H về việc ly hôn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, bà Bùi Thị H được ly hôn với ông Đoàn Văn C.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà H và ông C có 01 con chung là cháu Đoàn Ngọc Thanh N, sinh ngày 01/12/2018. Ly hôn bà H yêu cầu

được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông C cũng đồng ý. Vì vậy Hội đồng xét xử giao cháu N cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu nên tạm thời ông C không cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H và ông C xác định trong thời kỳ hôn nhân bà H và ông C có tạo lập được khối tài sản chung là 10 phòng trọ và 2 ki ốt được xây dựng trên hai thửa đất liền kề nhau số 819, 820 tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại xã T, huyện V. Bà H và ông C xác định 10 phòng trọ và 02 ki ốt được xây dựng vào năm 2019, đồng thời thống nhất thỏa thuận trị giá 10 phòng trọ là 02 ki ốt tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án là 400.000.000 đồng, việc này cũng được Ngân hàng thương mại cổ phần Á thống nhất. Bà H yêu cầu Tòa án giao cho bà H quản lý, sử dụng 10 phòng trọ và 02 ki ốt thì ông C đồng ý. Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần Á cũng đồng ý việc Tòa án giao cho bà H quản lý, sử dụng tài sản gắn liền với thửa đất số 819, tờ bản đồ số 39 xã T vì thửa đất số 819, tờ bản đồ số 39 do bà H đứng tên quyền sử dụng sẽ thuận lợi cho việc thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử quyết định bà Bùi Thị H được quản lý, sử dụng 10 phòng trọ (diện tích mỗi phòng khoảng 15 m²) và 02 ki ốt (diện tích mỗi ki ốt khoảng 24 m²) gắn liền với hai thửa đất số 819, 820 tờ bản đồ số 39 xã T có tổng trị giá là 400.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu của bà Bùi Thị H về việc giải quyết nợ chung và yêu cầu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần Á thấy rằng:

[3.1] Trong quá trình chung sống thì bà H và ông C có ký kết các thỏa thuận tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần Á và đã được giải ngân tổng cộng số tiền 800.000.000 đồng, được cấp hai thẻ tín dụng với hạn mức 50.000.000 đồng và 20.000.000 đồng. Ngoài ra bà H và Ngân hàng có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 819, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Do bà H và ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo nội dung thỏa thuận tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký kết nên Ngân hàng có yêu cầu độc lập, yêu cầu bà H và ông C thanh toán số dư nợ gốc 875.462.242 đồng, nợ lãi trong hạn 10.068.493 đồng, nợ lãi quá hạn (tính đến ngày 22/5/2024) là 177.926.326 đồng, phạt chậm trả lãi 978.430 đồng. Tổng cộng là 1.064.438.491 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C đề nghị Tòa án giải quyết khoản nợ này theo quy định. Theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết bà H và ông C mỗi người phải có trách nhiệm thanh toán một nửa khoản nợ. Tại phiên tòa, bà H tự nguyện đề nghị được thay ông C thanh toán toàn bộ số dư nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng tuy nhiên phía Ngân hàng không đồng ý vì các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đều do bà H và ông C cùng ký tên và xác nhận nợ. Thấy rằng việc bà H và ông C đã vi phạm điều khoản thanh toán nợ tại các thỏa thuận tín dụng đã ký kết nên yêu cầu độc lập của Ngân hàng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà Bùi Thị H và ông C phải có trách nhiệm thanh toán dư nợ gốc 875.462.242 đồng, nợ lãi trong hạn 10.068.493

đồng, nợ lãi quá hạn (tính đến ngày 22/5/2024) là 177.926.326 đồng, phạt chậm trả lãi 978.430 đồng. Tổng cộng là 1.064.438.491 đồng.

[3.3] Về yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi phát sinh: Ngân hàng TMCP Á yêu cầu bà Bùi Thị H, ông Đoàn Văn C phải chịu tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 23/5/2024 đến khi thanh toán xong số nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết. Yêu cầu này của Ngân hàng P1 với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017) nên có cơ sở chấp nhận.

[3.4] Xét việc xác định tài sản thế chấp cho khoản nợ trên thấy rằng: Bà Bùi Thị H có ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số DNA.BĐCN.571.210122 ngày 24/01/2022 để thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 819, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại xã T, huyện V và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất này. Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C2 và được đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 4, Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm (có hiệu lực thi hành tại thời điểm đăng ký biện pháp bảo đảm). Do đó cần xác định tài sản bảo đảm cho khoản nợ trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 819, tờ bản đồ 39 tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

[4] Về án phí:

[4.1] Bà Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

[4.2] Bà Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc chia tài sản chung của vợ chồng là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

[4.3] Do yêu cầu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần Á được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí. Bà H và ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là 43.933.000 đồng. Tại phiên tòa bà H tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí này nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa bà H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng về việc xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Bà H đã nộp xong chi phí tố tụng.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai phù hợp với những nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 33, 51, 56, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2, Điều 3; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H đối với ông Đoàn Văn C về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung; Tranh chấp chia tài sản chung”

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị H được ly hôn với ông Đoàn Văn C.

1.2 Về con chung: Giao cháu Đoàn Ngọc Thanh N, sinh ngày 01/12/2018 cho bà Bùi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Đoàn Văn C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của ông Đoàn Văn C.

Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Bà Bùi Thị H được quyền quản lý, sử dụng 10 phòng trọ (diện tích mỗi phòng trọ khoảng 15 m²) và 02 ki ốt (diện tích mỗi ki ốt khoảng 24 m²) có kết cấu tường gạch, mái tôn, nền gạch men, có gác lửng là tài sản gắn liền với hai thửa đất số 819, 820 tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai theo 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 164896 và CD 164897 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 21/6/2016 cho bà Lưu Thị Thu T, cập nhật biến động sang tên cho bà Bùi Thị H ngày 11/7/2016.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần Á về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bà Bùi Thị H và ông Đoàn Văn C.

2.1 Buộc bà Bùi Thị H và ông Đoàn Văn C có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc 875.462.242 đồng (tám trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi hai đồng); tiền nợ lãi trong hạn 10.068.493 đồng mười triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng); tiền nợ lãi quá hạn (tính đến ngày 22/5/2024) là 177.926.326 đồng (một trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi sáu đồng); phạt chậm trả lãi 978.430 đồng (chín trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi đồng). Tổng cộng là 1.064.438.491 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi một đồng).

2.2 Ngoài ra bà Bùi Thị H và ông Đoàn Văn C phải chịu tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 23/5/2024 theo các hợp đồng tín dụng, thỏa thuận tín dụng đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết số dư nợ gốc.

2.3 Tài sản đảm bảo cho khoản nợ trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 819, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở

và tài sản khác gắn liền với đất số CD 164896 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 21/6/2016 cho bà Lưu Thị Thu T, cập nhật biến động sang tên ngày 11/7/2016 cho bà Bùi Thị H (theo hợp đồng thế chấp tài sản số DNA.BĐCN.571.210122 ngày 24/01/2022 được ký kết giữa bà Bùi Thị H với Ngân hàng thương mại cổ phần Á - chi nhánh Đ).

3. Về án phí:

3.1 Bà Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3.2 Bà Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc chia tài sản chung của vợ chồng là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

3.3 Bà H tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng là 43.933.000 đồng (bốn mươi ba triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng).

3.4 Toàn bộ án phí nêu trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005259 ngày 26/5/2023; 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005260 ngày 26/5/2023; 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0005261 ngày 26/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Bà H còn phải nộp số tiền 47.683.000 đồng (bốn mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng).

3.5 Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Á số tiền 20.891.000 (hai mươi triệu tám trăm chín mươi một nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005479 ngày 15/9/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn bà Bùi Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần Á có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Đoàn Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Vĩnh Cửu;
- CC.THADS H.Vĩnh Cửu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Tấn Phát

